ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1884 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 08 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành khu vực cấm bay, hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và Phương tiện bay siêu nhẹ trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 10/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thiết lập khu vực cấm bay, hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ;

Xét đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau về việc thiết lập khu vực cấm bay, hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ tại Tờ trình số 1667/TTr-BCH ngày 29/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thiết lập khu vực cấm bay, hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (*có Phụ lục tọa độ cụ thể kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ Quyết định này các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị lực lượng vũ trang tổ chức triển khai, công bố khu vực cấm bay do đơn vị quản lý. Thường xuyên tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các trường hợp sử dụng phương tiện bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ sai quy định.

Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thành - Truyền hình tỉnh tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để mọi cá nhân, tổ chức nắm và thực hiện; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh tăng cường công tác phối hợp, triển khai các biện pháp quản lý và xử lý các trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau;
- NC (P29);
- Lưu: VT. Tr 08/10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hồng Quân

Phụ lục

CÁC KHU VỰC CẤM BAY UAV VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN BAY SIÊU NHẸ

TT	Tên vị trí khu vực cấm bay	Đơn vị quản lý	Địa danh			Diện tích (ha)	Ranh giới			Ghi chú
			Xã (phường)	Huyện (thành phố)	Tỉnh		Điểm giới hạn	Kinh độ	Vĩ độ	
01	Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sân bay, BCHQS Tỉnh, Công an tỉnh, eBB896, c Thiết giáp, Nhà kho, c Trinh sát	UBND tỉnh	Phường 5; Phường 6	Tp Cà Mau	Cà Mau	847	Điểm 1	09^{0}11'08"	105^{0}08'50"	
							Điểm 2	09^{0}11'09"	105^{0}11'58"	
							Điểm 3	09^{0}10'18"	105^{0}11'51"	
							Điểm 4	09^{0}10'20"	105^{0}08'52"	
02	dBB2/896	BCHQS tỉnh	Thạnh Phú	Cái Nước	Cà Mau	14	Điểm 1	09^{0}06'38"	105^{0}05'56"	
							Điểm 2	09^{0}06'47"	105^{0}06'07"	
							Điểm 3	09^{0}06'36"	105^{0}06'12"	
							Điểm 4	09^{0}06'29"	105^{0}06'01"	
03	Đại đội Thông tin	BCHQS tỉnh	Lý Văn Lâm	Tp Cà Mau	Cà Mau	9	Điểm 1	09^{0}08'19"	105^{0}07'47"	
							Điểm 2	09^{0}08'25"	105^{0}07'52"	
							Điểm 3	09^{0}08'17"	105^{0}08'02"	
							Điểm 4	09^{0}08'11"	105^{0}07'56"	
04	Đại đội Kho	BCHQS tỉnh	Tân Lộc	Thới Bình	Cà Mau	8	Điểm 1	09^{0}16'39"	105^{0}12'05"	
							Điểm 2	09^{0}16'38"	105^{0}12'14"	
							Điểm 3	09^{0}16'29"	105^{0}12'13"	
							Điểm 4	09^{0}16'29"	105^{0}12'05"	
05	BCH BĐBP tỉnh	BTL BP	Phường 9	Tp Cà Mau	Cà Mau	12	Điểm 1	09^{0}12'25"	105^{0}07'31"	
							Điểm 2	09^{0}12'25"	105^{0}07'47"	
							Điểm 3	09^{0}12'13"	105^{0}07'47"	
							Điểm 4	09^{0}12'13"	105^{0}07'33"	
06	Hải đoàn 42/ BTL vùng 4 Cảnh Sát biển	BTL CSB	Hàng Vịnh	Năm Căn	Cà Mau	27	Điểm 1	08^{0}46'05"	105^{0}00'30"	
							Điểm 2	08^{0}46'07"	105^{0}00'46"	
							Điểm 3	08^{0}45'48"	105^{0}00'47"	
							Điểm 4	08^{0}45'46"	105^{0}00'34"	
07	Trại tạm giam Công an tỉnh	Công an tỉnh	Tân Xuyên	Tp Cà Mau	Cà Mau	35	Điểm 1	09^{0}12'50"	105^{0}10'03"	
							Điểm 2	09^{0}11'04"	105^{0}10'13"	

TT	Tên vị trí khu vực cấm bay	Đơn vị quản lý	Địa danh			Diện tích (ha)	Ranh giới			Ghi chú
			Xã (phường)	Huyện (thành phố)	Tỉnh		Điểm giới hạn	Kinh độ	Vĩ độ	
							Điểm 3	09^{0}12'49"	105^{0}10'30"	
							Điểm 4	09^{0}12'36"	105^{0}10'20"	
08	Trại giam Cái Tàu	Bộ Công an	Khánh An	U Minh	Cà Mau	164	Điểm 1	09^{0}14'30"	105^{0}02'24"	
							Điểm 2	09^{0}14'32"	105^{0}03'19"	
							Điểm 3	09^{0}14'01"	105^{0}03'21"	
							Điểm 4	09^{0}13'59"	105^{0}02'26"	
09	Trung tâm Hành chính tỉnh	UBND tỉnh	Phương 5	Tp Cà Mau	Cà Mau	61	Điểm 1	09^{0}10'51"	105^{0}09'51"	
							Điểm 2	09^{0}11'11"	105^{0}09'41"	
							Điểm 3	09^{0}11'25"	105^{0}10'07"	
							Điểm 4	09^{0}11'06"	105^{0}10'17"	
10	Ban CHQS Tp Cà Mau	BCHQS tỉnh	Phường 9	Tp Cà Mau	Cà Mau	24	Điểm 1	09^{0}12'35"	105^{0}08'38"	
							Điểm 2	09^{0}12'36"	105^{0}09'00"	
							Điểm 3	09^{0}12'23"	105^{0}09'00"	
							Điểm 4	09^{0}12'23"	105^{0}08'40"	
11	Trung tâm Hành chính Tp Cà Mau. (UBND TP; Thành ủy; Công an TPCM)	UBND tỉnh	Phường 1, Phường 9	Tp Cà Mau	Cà Mau	20	Điểm 1	09^{0}10'56"	105^{0}08'22"	
							Điểm 2	09^{0}11'04"	105^{0}08'28"	
							Điểm 3	09^{0}10'53"	105^{0}08'43"	
							Điểm 4	09^{0}10'45"	105^{0}08'37"	
12	Quảng trường Tp Cà Mau	UBND TP	Phường1, Phường 9	Tp Cà Mau	Cà Mau	41	Điểm 1	09^{0}11'19"	105^{0}08'07"	
							Điểm 2	09^{0}11'31"	105^{0}08'17"	
							Điểm 3	09^{0}11'14"	105^{0}08'40"	
							Điểm 4	09^{0}11'02"	105^{0}08'32"	
13	Trung tâm Hành chính huyện U Minh (UBND; Huyện ủy; Ban CHQS huyện)	UBND tỉnh, Tỉnh ủy, BCHQS tỉnh.	TT U Minh	U Minh	Cà Mau	40	Điểm 1	09^{0}24'32"	104^{0}57'59"	
							Điểm 2	09^{0}24'44"	104^{0}58'08"	
							Điểm 3	09^{0}24'24"	104^{0}58'32"	
							Điểm 4	09^{0}24'14"	104^{0}58'22"	
14	Công an huyện U Minh	Công an tỉnh	TT U Minh	U Minh	Cà Mau	12	Điểm 1	09^{0}22'24"	104^{0}57'56"	
							Điểm 2	09^{0}24'32"	104^{0}58'03"	

TT	Tên vị trí khu vực cấm bay	Đơn vị quản lý	Địa danh			Diện tích (ha)	Ranh giới			Ghi chú
			Xã (phường)	Huyện (thành phố)	Tỉnh		Điểm giới hạn	Kinh độ	Vĩ độ	
							Điểm 3	09^{0}24'21"	104^{0}58'11"	
							Điểm 4	09^{0}24'15"	104^{0}58'05"	
15	Trung tâm Hành chính huyện Thới Bình (UBND, Huyện ủy, Công an, Ban CHQS huyện)	UBND tỉnh, Tỉnh ủy, BCHQS tỉnh, Công an tỉnh	TT Thới Bình	Thới bình	Cà Mau	54	Điểm 1	09^{0}21'03"	105^{0}05'20"	
							Điểm 2	09^{0}21'25"	105^{0}05'42"	
							Điểm 3	09^{0}21'11"	105^{0}05'54"	
							Điểm 4	09^{0}20'50"	105^{0}05'33"	
16	Trung tâm Hành chính huyện Cái Nước (UBND, Huyện ủy, Công an, Ban CHQS huyện)	UBND tỉnh, Tỉnh ủy, BCHQS tỉnh, Công an tỉnh	TT Cái Nước	Cái Nước	Cà Mau	60	Điểm 1	08^{0}56'42"	105^{0}00'40"	
							Điểm 2	08^{0}56'43"	105^{0}00'59"	
							Điểm 3	08^{0}56'09"	105^{0}01'01"	
							Điểm 4	08^{0}56'09"	105^{0}00'42"	
17	Trung tâm Hành chính huyện Năm Căn (UBND, Huyện ủy, Ban CHQS huyện, Sân bay Năm Căn)	UBND tỉnh, Tỉnh ủy, BCHQS tỉnh, QC-PKKQ	TT Năm Căn	Năm Căn	Cà Mau	103	Điểm 1	08^{0}45'28"	104^{0}08'50"	
							Điểm 2	08^{0}45'47"	104^{0}59'45"	
							Điểm 3	08^{0}45'28"	104^{0}59'49"	
							Điểm 4	08^{0}45'10"	104^{0}08'55"	
18	Công an huyện Năm Căn	Công an tỉnh	TT Năm Căn	Năm Căn	Cà Mau	23	Điểm 1	08^{0}46'03"	104^{0}59'40"	
							Điểm 2	08^{0}45'58"	105^{0}00'02"	
							Điểm 3	08^{0}45'48"	104^{0}59'59"	
							Điểm 4	08^{0}45'53"	104^{0}59'38"	
19	Ban CHQS huyện Ngọc Hiển	BCHQS tỉnh	TT Rạch Gốc	Ngọc Hiển	Cà Mau	13	Điểm 1	08^{0}39'33"	105^{0}03'02"	
							Điểm 2	08^{0}39'35"	105^{0}03'12"	
							Điểm 3	08^{0}39'22"	105^{0}03'16"	
							Điểm 4	08^{0}39'20"	105^{0}03'06"	
20	Trung tâm Hành chính huyện Ngọc Hiển (UBND, Huyện ủy)	UBND tỉnh Tỉnh ủy	TT Rạch Gốc	Ngọc Hiển	Cà Mau	20	Điểm 1	08^{0}39'32"	105^{0}03'16"	
							Điểm 2	08^{0}39'33"	105^{0}03'29"	
							Điểm 3	08^{0}39'16"	105^{0}03'30"	
							Điểm 4	08^{0}39'15"	105^{0}03'18"	
21	Công an huyện Ngọc Hiển	Công an tỉnh	TT Rạch Gốc	Ngọc Hiển	Cà Mau	8,2	Điểm 1	08^{0}38'49"	105^{0}02'41"	
							Điểm 2	08^{0}38'42"	105^{0}02'49"	

TT	Tên vị trí khu vực cấm bay	Đơn vị quản lý	Địa danh			Diện tích (ha)	Ranh giới			Ghi chú
			Xã (phường)	Huyện (thành phố)	Tỉnh		Điểm giới hạn	Kinh độ	Vĩ độ	
							Điểm 3	08^{0}38'36"	105^{0}42'45"	
							Điểm 4	08^{0}38'41"	105^{0}02'36"	
22	Ban CHQS huyện Phú Tân	BCHQS tỉnh	Xã Nguyễn Việt Khái	Phú Tân	Cà Mau	7	Điểm 1	08^{0}51'59"	104^{0}49'18"	
							Điểm 2	08^{0}51'09"	104^{0}49'27"	
							Điểm 3	08^{0}51'01"	104^{0}49'27"	
							Điểm 4	08^{0}51'01"	104^{0}49'19"	
23	Trung tâm Hành chính huyện Phú Tân (UBND, Huyện ủy, Công an)	UBND tỉnh Tỉnh ủy Công an tỉnh	Xã Nguyễn Việt Khái	Phú Tân	Cà Mau	28	Điểm 1	08^{0}51'25"	104^{0}49'26"	
							Điểm 2	08^{0}51'32"	104^{0}49'43"	
							Điểm 3	08^{0}51'18"	104^{0}49'48"	
							Điểm 4	08^{0}51'11"	104^{0}49'32"	
24	Trung tâm hành chính huyện Trần Văn Thời (UBND, Huyện ủy; Ban CHQS huyện)	UBND tỉnh Tỉnh ủy BCHQS tỉnh	TT Trần Văn Thời	Trần Văn Thời	Cà Mau	43	Điểm 1	09^{0}04'22"	104^{0}57'35"	
							Điểm 2	09^{0}04'29"	104^{0}58'06"	
							Điểm 3	09^{0}04'15"	104^{0}58'08"	
							Điểm 4	09^{0}04'07"	104^{0}57'39"	
25	Công an huyện Trần Văn Thời	Công an tỉnh	TT Trần Văn Thời	Trần Văn Thời	Cà Mau	8,3	Điểm 1	09^{0}04'35"	104^{0}58'06"	
							Điểm 2	09^{0}04'36"	104^{0}58'14"	
							Điểm 3	09^{0}04'26"	104^{0}58'16"	
							Điểm 4	09^{0}04'24"	104^{0}58'07"	
26	Trung tâm Hành chính huyện Đầm Dơi (UBND, Huyện ủy, Ban CHQS, Công an huyện)	UBND tỉnh, Tỉnh ủy, BCHQS tỉnh, Công an tỉnh	TT Đầm Dơi	Đầm Dơi	Cà Mau	40	Điểm 1	08^{0}59'38"	105^{0}11'38"	
							Điểm 2	08^{0}59'36"	105^{0}12'07"	
							Điểm 3	08^{0}59'21"	105^{0}12'05"	
							Điểm 4	08^{0}59'24"	105^{0}11'38"	

**** Ghi chú: Riêng các đơn vị Quân sự (các Trạm, Đồn Biên phòng, Ban CHQS các xã, phường) đóng quân trên địa bàn khu vực cấm bay được tính từ vị trí đóng quân kéo ra bán kính 500m.***